

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HS-ST
Ngày 28-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Chiêu
2. Ông Nguyễn Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số: 02/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lâm Vũ P (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10-01-1995; nơi sinh: huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: ấp Đ, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm C (sống) và bà Châu Thị L1 (sống); vợ, con: Chưa có; tiền án: không có; tiền sự: không có; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21-11-2022 (Bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lương Thị Ngọc Hân; là Trợ giúp viên – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị hại: Bà Lâm Thị Thanh L, sinh năm: 1978; nơi cư trú: ấp Đ, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Huỳnh T, sinh năm: 1974; nơi cư trú: ấp Đ, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2/ Bà Châu Thị L1, sinh năm: 1951; nơi cư trú: ấp Đ, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ chị em ruột, bà Lâm Thị Thanh L có cho Lâm Vũ P mượn một chiếc xe mô tô biển số kiểm soát 83P4-044.xx để sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày. Vào ngày 28-8-2022, P tự ý mang xe mô tô biển số kiểm soát 83P4-044.97 cầm cho ông Huỳnh T với số tiền 4.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Đến ngày 27-9-2022, bà L phát hiện và yêu cầu P trả lại xe, nhưng P không giao trả được nên bà L trình báo sự việc với Công an xã P về việc P tự ý cầm xe mô tô biển số kiểm soát 83P4-044.97 của bà L.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 96/KL-HĐĐGTS ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND huyện Mỹ Tú, kết luận tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là: 22.200.000 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm ngàn đồng).

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú có tạm giữ vật chứng: 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 83P4-044.97, hiệu Honda, loại Wave 110, màu sơn xanh, số khung F110M0029078, số máy 110ME0029078. Qua làm rõ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú đã trả lại cho chủ sở hữu bà Lâm Thị Thanh L.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lâm Thị Thanh L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bồi thường. Ngoài ra, Lâm Vũ P đã tự nguyện khắc phục trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T số tiền 4.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKS-MT ngày 16-01-2023 của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố Lâm Vũ P về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đồng thời, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại bà Lâm Thị Thanh L trình bày đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường. Về trách nhiệm hình sự, tại tòa bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi vi phạm mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Mỹ Tú giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lâm Vũ P. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo P phạm “Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao tuyên phạt bị cáo P từ 06 (Sáu) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho

hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự, bị hại và người liên quan không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về xử lý vật chứng không có nên không đặt ra xem xét. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Tại phiên tòa bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm như Cáo trạng đã truy tố; lời trình bày của bị cáo P hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án; lời khai của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên người bào chữa thống nhất nội dung Cáo trạng đã truy tố hành vi của bị cáo. Đồng thời, tại phiên tòa Kiểm sát viên kết luận và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo P phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175 điểm h, i, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao tuyên phạt bị cáo P từ 06 (Sáu) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo là có căn cứ và phù hợp. Ngoài ra, người bào chữa cho bị cáo còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo P là người dân tộc Khmer sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và sau khi sự việc xảy ra bị cáo cũng đã tự nguyện trả số tiền 4.000.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên bị cáo thật sự đã ăn năn hối cải về hành vi sai phạm. Do vậy, kính đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tuyên phạt bị cáo P mức hình phạt đầu khung như Kiểm sát viên đề nghị và cho hưởng án treo.

Trong phần nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo Lâm Vũ P xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra, ông Huỳnh T đã có lời khai, nên việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát Nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, đại diện hợp pháp bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng đã thực hiện bảo đảm tuân thủ đúng theo quy định pháp luật về tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án, trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo, nên có cơ sở xác định: Vào ngày 28-8-2022, bị cáo P lợi dụng việc bị hại L tin tưởng cho mượn xe sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày, đã tự ý mang xe mô tô biển số kiểm soát 83P4-044.97 có tổng giá trị 22.200.000 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm ngàn đồng) của bị hại L cầm cho ông Huỳnh T để lấy tiền tiêu xài cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản khi bị hại L yêu cầu nên hành vi của bị cáo P đã đủ yếu tố cấu thành “Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Từ đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt là có căn cứ, đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Xét thấy, hành vi của bị cáo P đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng vì muốn có được tiền tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ ra công sức lao động nên bị cáo đã cố tình lợi dụng lòng tin của bị hại giao cho xe sử dụng đi lại hàng ngày mà thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, cần phải xem xét áp dụng mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội và trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo; tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi hoàn trả cho bị hại nên thiệt hại về vật chất không lớn; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; gia đình bị cáo có bà ngoại được tặng Giấy khen hưởng ứng P trào thi đua 05 Điều tốt của Hội Liên hiệp phụ nữ giải phóng Miền Nam Việt Nam và tại phiên tòa được bị hại xin giảm nhẹ và cho bị cáo hưởng án treo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của bị cáo P với lỗi cố ý trực tiếp là thể hiện sự xem thường pháp luật, gây tâm lý hoang mang cho người dân và làm

ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương trong việc phòng ngừa và ngăn chặn tội phạm nói chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét bị cáo P không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định tại Đoạn [5] nêu trên để áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo đề nghị tuyên xử bị cáo mức hình phạt từ 06 (Sáu) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, đối với bị cáo trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; tại phiên tòa đã thật sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội và được bị hại xin cho hưởng án treo nên đối với bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, từ đó, bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về việc cho bị cáo P hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo học tập, cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại đủ tài sản và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu chiếc xe biển số kiểm soát 83P4-044.97 và không còn thu giữ vật chứng nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo P thuộc trường hợp được miễn nộp án phí và tại tòa bị cáo có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo P.

[10] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú và Người bào chữa cho bị cáo đề nghị về tội danh, hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ như đã nhận định tại các phần trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; Điều 292; Điều 327; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175, điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bị cáo Lâm Vũ P phạm “Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Lâm Vũ P 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28 tháng 3 năm 2023).

Giao bị cáo Lâm Vũ P cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lâm Vũ P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng vụ án: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bị cáo Lâm Vũ P được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Tú;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mỹ Tú;
- Chi Cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Luân